

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2024

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liễu Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Luân Văn Tuấn;

Bà Lương Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lịch – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị D, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn P, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T2, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; hiện đang bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị D trình bày: Chị và anh Lê Văn T2 được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn ngày 07/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn P, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; đến năm 2013 phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị phát hiện anh Lê Văn T2 nghiện ma túy, chị khuyên bảo nhưng anh không nghe, hai người bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; thường xuyên cãi vã; chị đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Sau đó chị đi làm ăn xa, mỗi tháng về nhà một lần nhưng vợ chồng cũng không nói chuyện được với nhau; đến năm 2019 chị trở về nhà ở nhưng anh Lê Văn T2 không ở nhà, anh Lê Văn T2 đi đâu chị không biết, vợ chồng đã ly thân từ đó; năm 2021 anh Lê Văn T2 bị bắt và bị Tòa án tuyên án tử hình về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và hiện nay đang bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn chờ thi hành án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T2.

Về con chung: Chị Ma Thị D và anh Lê Văn T2 có 02 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 21/8/2008 và cháu Lê Hà T3, sinh ngày 10/5/2010; hiện nay hai cháu đang ở với chị Ma Thị D. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con cho đến khi đủ 18 tuổi; chị không yêu cầu anh Lê Văn T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Ma Thị D trình bày là không có. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa chị Ma Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T2 trình bày: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1. Chị Ma Thị D xin ly hôn, anh đồng ý. Anh chị có hai con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 21/8/2008 và cháu Lê Hà T3, sinh ngày 10/5/2010, chị Ma Thị D yêu cầu trực tiếp nuôi con, anh đồng ý vì anh không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của con chưa thành niên: Tại bản trình bày ngày 29/02/2024 cháu Lê Minh Đ và cháu Lê Hà T3 có ý kiến: Hiện nay các cháu đang ở với mẹ, sau khi bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại Công văn số 19/UBND ngày 28/02/2024 Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Anh Lê Văn T2 và chị Ma Thị D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, hiện nay anh Lê Văn T2 và chị Ma Thị D không chung sống với nhau, anh Lê Văn T2 đang chấp hành án; anh chị có 02 con là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 21/8/2008 và cháu Lê Hà T3, sinh ngày 10/5/2010.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn

chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đang bị giam. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Ma Thị D được ly hôn với anh Lê Văn T2; giao con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 21/8/2008 và cháu Lê Hà T3, sinh ngày 10/5/2010 cho chị Ma Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi; anh Lê Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Ma Thị D không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Ma Thị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Ma Thị D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết ly hôn với anh Lê Văn T2 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự viết bản tự khai; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các văn bản đều được tổng đạt hợp lệ cho đương sự. Bị đơn anh Lê Văn T2 đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Ma Thị D gửi đơn xin ly hôn với anh Lê Văn T2 và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị D và anh Lê Văn T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 07/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, chị đã tìm cách hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Năm 2021, anh Lê Văn T2 bị bắt và bị kết án tử hình về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, hiện nay đang chờ thi hành án. Chị Ma Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T2. Tại phiên tòa chị Ma Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T2. Tại bản tự khai, anh Lê Văn T2 cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ma Thị D và anh Lê Văn T2 đã trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị D, cho chị Ma Thị D được ly hôn với anh Lê Văn T2.

[4] Về con chung: Chị Ma Thị D và anh Lê Văn T2 có hai con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 21/8/2008 và cháu Lê Hà T3, sinh ngày 10/5/2010, hiện nay hai cháu đang ở với chị Ma Thị D. Khi ly hôn, chị Ma Thị D yêu cầu trực tiếp nuôi các con, anh Lê Văn T2 cũng đồng ý. Xét thấy, từ khi chị Ma Thị D và anh Lê Văn T2 ly thân đến nay, cháu Lê Minh Đ và cháu Lê Hà T3 đều ở với chị Ma Thị D và cũng là nguyện vọng của các cháu, hơn nữa anh Lê Văn T2 đang chờ đi chấp hành án nên không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng các con, nên chấp nhận yêu cầu, giao cháu Lê Minh Đ và cháu Lê Hà T3 cho chị Ma Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ma Thị D không yêu cầu. Anh Lê Văn T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, các khoản nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Ma Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị D, xử cho chị Ma Thị D được ly hôn với anh Lê Văn T2.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 21/8/2008 và cháu Lê Hà T3, sinh ngày 10/5/2010 cho chị Ma Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Anh Lê Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ma Thị D không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Ma Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ma Thị D đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001289, ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Chị Ma Thị D đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ma Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn (PKTNV&THA);
- VKSND H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. V, T.Lạng Sơn;
- UBND xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Liều Thị Hạnh